

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2024

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thu P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Điều ĐKKHKT: Tổ dân phố Phúc Lâm, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

Điều hiện ở: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (nay là phường Bích Động, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn ngày 09/10/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thu P kết hôn ngày 23/9/2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống với nhau ở tại tổ dân phố Phúc Lâm. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Từ năm 2021 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Thành An, sinh ngày 31/12/2014. Hiện 02 con chung đang ở với chị P. Ly hôn nguyện vọng anh nuôi dưỡng cháu Quang để chị P nuôi dưỡng cháu An. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Hiện anh đang làm kinh doanh bất động sản thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, anh đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Quang học hành phát triển bình thường trong trường hợp anh nuôi con. Chị P làm cán bộ công chức Nhà nước có thu nhập, có nơi ăn chốn ở, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung và điều kiện để cháu An phát triển bình thường.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với chị Nguyễn Thu P là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án chị P đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho chị P về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh D và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng chị P không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thu P vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh D chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị P không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thu P.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 31/12/2009. Giao cho chị Nguyễn Thu P nuôi dưỡng con

chung là Nguyễn Thành An, sinh ngày 31/12/2014. Vấn đề cấp dưỡng anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và xác định anh D đã nộp tại biên lai số 0003113 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn và con chung giữa anh D và chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị P có nơi cư trú: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (nay là phường Bích Động, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị P.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh D và chị P xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND tại xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên) làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh D và chị P có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh D, anh xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện. Hai vợ chồng anh ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị P, thông báo hòa giải nhưng chị P cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa P cũng xác định vợ chồng anh D, chị P có xảy ra mâu thuẫn, anh D và chị P không còn sinh sống cùng nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh D và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Thành An, sinh ngày 31/12/2014. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Quang và để chị P nuôi dưỡng 01 con

chung là cháu An, anh và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện anh đang làm kinh doanh bất động sản thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, anh đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Quang học hành phát triển bình thường. Chị P làm cán bộ công chức Nhà nước có thu nhập, có nơi ăn chốn ở, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung và điều kiện để cháu An phát triển bình thường.

Tại bản tự khai của cháu Quang có nguyện vọng xin được ở với bố và mẹ, cháu An có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy: Anh D và chị P đều có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên để đảm bảo quyền nuôi con và phát triển của cháu Quang, cháu An nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của anh D và giao cháu Quang cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu An cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Quang, cháu An. Sau khi ly hôn, anh D, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh D xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thu P.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 31/12/2009. Giao cho chị Nguyễn Thu P nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành An, sinh ngày 31/12/2014. Vấn đề cấp dưỡng: Anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh D và chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh D, chị P thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003113 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên). Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân